

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 147/2020/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 8 - 2020

“Về việc ly hôn, con chung”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Hứa Việt Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020. Về việc “Ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Rạch Muối, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Rạch Muối, xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2020 và các lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ph và anh T kết hôn ngày 26/8/2004 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện C, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 5 năm nay thì vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tin tưởng chị, mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Chị Ph xét thấy vợ chồng không còn hạnh phúc nữa nên chị Ph yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Ph trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Phạm Huỳnh Như, sinh ngày 30/6/2005. Khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị Ph không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ph trình bày vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ph trình bày vợ chồng không nợ thu nên không yêu cầu nên không xem xét.

- Anh Phạm Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị Ph. Lý do anh T còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Phạm Huỳnh Như, sinh ngày 30/6/2005. Khi ly hôn con theo ai thì người đó nuôi, người không nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T thống nhất vợ chồng không nợ thu nên không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Phạm Văn T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Nguyễn Thị Ph khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn T và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, con chung” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh T kết hôn ngày 26/8/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện C nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, chị Ph và anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân là do vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T không tạo điều kiện để hàn

gắn tình cảm vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Ph và anh T sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay tuy thời gian không dài nhưng mâu thuẫn của chị Ph và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ph được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ph trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Phạm Huỳnh Như, sinh ngày 30/6/2005. Hiện nay con đang sống chung với chị Ph, sau ly hôn chị Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh T đồng ý giao cháu Phạm Huỳnh Như cho chị Ph nuôi con dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2020 của Tòa án thì nguyện vọng của cháu Phạm Huỳnh Như được sống với chị Ph. Do đó, tiếp tục giao cháu Phạm Huỳnh Như, sinh ngày 30/6/2005 cho chị Ph nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị Ph không đặt ra nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Ph và anh T thống nhất vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Ph và anh T thống nhất vợ chồng không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Ph phải chầu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ph được ly hôn với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ph được tiếp tục nuôi cháu Phạm Huỳnh Như, sinh ngày 30/6/2005. Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Ph phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Ph có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005252 ngày 21/4/2020 tại Chi cục Thi hành án

dân sự huyện C được chuyển thu. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Ph, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Dương sự;
- UBND xã Phú Hưng;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính